

Bản án số: 173/2020/HSPT

Ngày: 13-07-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Minh Tuấn**

Các thẩm phán: Ông **Nguyễn Cường**

Ông **Nguyễn Văn Tào**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Dương Thị Tuyết Trinh**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Lê Quang Hiệp**, Kiểm sát viên.

Vào ngày 13 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 183/2020/TLPT-HS ngày 03 tháng 6 năm 2020 đối với các bị cáo **Lê Văn V** về tội “*Mua bán trái phép vật liệu nổ*”; **Trần Văn T** về tội “*Vận chuyển, mua bán trái phép vật liệu nổ*”. Do có kháng cáo của bị cáo **Lê Văn V** và **Trần Văn T** đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2020/HS-ST ngày 21-4-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1092/2020/QĐXXPT-HS ngày 26 tháng 6 năm 2020.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Bị cáo: **Lê Văn V**; sinh ngày 07 tháng 9 năm 1977 tại tỉnh Quảng Bình; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 02 (tái mù chữ), hiện tại không biết chữ; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông: Lê Văn T (đã chết) và bà: Lê Thị N; có vợ: Lê Thị T và có 03 con, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ sau đó chuyển tạm giam từ ngày 09/8/2019 đến ngày 06/12/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh. Hiện bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Bị cáo: **Trần Văn T**; sinh ngày 01 tháng 5 năm 1988 tại tỉnh Quảng Trị; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: tỉnh Quảng Trị; Trình độ văn hóa: 12/12, Nghề nghiệp:

lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; con ông: Trần D (đã chết) và bà: Mai Thị G (đã chết); có vợ: Hoàng Thị Thanh B, sinh năm 1989 và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ sau đó chuyển tạm giam từ ngày 11/8/2019 đến ngày 18/11/2019 được thay thế bằng biện pháp Bảo lãnh. Hiện bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 18 giờ 30 phút ngày 09/8/2019 tại đường Hồ Chí Minh thuộc thị trấn Nông Trường V, huyện B, tỉnh Quảng Bình, Tổ công tác Phòng An ninh điều tra Công an tỉnh Quảng Bình phối hợp với các lực lượng chức năng phát hiện, bắt quả tang Nguyễn Thị Q đang có hành vi vận chuyển trái phép 118 kilôgam vật liệu nổ trên xe taxi mang BKS 73A-06124 của hãng H theo hướng huyện Lê Thủy đi huyện B.

Quá trình điều tra, đã làm rõ được nguồn gốc vật liệu nổ mà Nguyễn Thị Q vận chuyển là do mua từ các đối tượng khác. Các bị cáo khai nhận: Ngày 07/8/2019 Trần Văn T đi rà kim loại để bán phế liệu thì phát hiện được 01 quả bom đã bị nứt ở phần đuôi nên T đã tháo lấy thuốc nổ ở bên trong quả bom bỏ vào 02 bao lác rồi dùng xe mô tô mang BKS 74H3-3706 của T chở đến khu vực rừng gần hồ T thuộc địa phận huyện C, Quảng Trị cách nơi phát hiện quả bom khoảng 10 km. Sau đó T về nhà lấy cân lên và cân được tổng cộng 81kg. Sau khi cân xong thuốc nổ, T sử dụng điện thoại có số thuê bao 0378163568 gọi điện thoại vào số thuê bao 0941719757 cho Trần Văn T để bán thuốc nổ cho T với giá 240.000 đồng/01 kg. Sau khi thống nhất giá bán, chiều ngày 09/8/2019 T dùng xe mô tô mang biển số 74H3-3706 chở 02 bao thuốc nổ trên đến khu vực khe Ông Miệt thuộc địa phận huyện C, Quảng Trị cách vị trí giấu thuốc nổ 08 km để giao cho T và nhận 19.400.000 đồng tiền mua bán 81kg thuốc nổ từ Trần Văn T.

Trần Văn T ngoài việc mua 81 kg thuốc nổ của T, T còn phát hiện được 01 bao lác đựng khoảng 37 kilôgam thuốc nổ tại khu vực rừng thuộc địa phận huyện G, tỉnh Quảng Trị nên số thuốc nổ T có được là 118kg.

Sau khi có thuốc nổ T đã sử dụng số điện thoại 0941719757 của T gọi vào số điện thoại 0823730018 của Lê Văn V để bán cho V tổng cộng 118 kg thuốc nổ với giá 280.000 đồng/01 kg và hẹn địa điểm giao nhận thuốc nổ sát đường Hồ Chí Minh cách ngã tư X thuộc địa phận xã G, huyện G, tỉnh Quảng Trị khoảng 200 mét về phía Nam.

Sau khi thống nhất với T, về giá cả và số lượng thuốc nổ, Lê Văn V đã sử dụng điện thoại của V gọi vào số thuê bao điện thoại 0835094323 của Nguyễn Thị Q để bán cho Q 118 kg đã mua với giá 300.000 đồng/01 kg và V cũng hẹn Q giao nhận tại địa điểm đã hẹn với T.

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 09/8/2019 Trần Văn T đã sử dụng xe mô tô mang biển số 74B1-005.85 của T chở 03 bao lác đựng thuốc nổ đến bán cho V; V tiếp tục bán cho Q lấy số tiền 35.900.000 đồng, rồi V trả cho T số tiền 33.000.000 đồng. Sau khi mua được thuốc nổ, Q vận chuyển về xã Sơn Trạch, huyện B, tỉnh Quảng Bình, tuy nhiên đang trên đường về đến khu vực thị trấn Nông Trường V, huyện B, tỉnh Quảng Bình thì bị phát hiện bắt quả tang.

Tổng số tiền T thu lợi bất chính là 19.400.000 đồng; T thu lợi bất chính là 13.600.000 đồng; V thu lợi bất chính là 2.900.000 đồng.

Tại Bản kết luận giám định số 4754/C09-P2 ngày 26/8/2019 của Viện khoa học hình sự, Bộ Công an kết luận: Các Mẫu vật ký hiệu M1, M2, M3 gửi giám định là thuốc nổ có thành phần chính gồm Trinitrotoluen (TNT) và bột Nhôm (Al). Hỗn hợp thuốc nổ này còn sử dụng được, thường dùng trong quân sự.

Về vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan An ninh điều tra đã thu giữ gồm: 118kg thuốc nổ, đã xử lý chuyển cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Quảng Bình để tiêu hủy;

Tạm giữ 184.163.000 (một trăm tám mươi bốn triệu một trăm sáu mươi ba ngàn) đồng chẵn, tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Trong đó: 131.500.000 đồng thu lúc khám xét nhà của Lê Văn V; 37.000.000 đồng thu lúc khám xét nhà của Trần Văn T; 12.763.000 đồng thu lúc bắt quả tang Nguyễn Thị Q; 2.900.000 đồng là khoản tiền thu lợi bất chính do Lê Văn V nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình sau khi kết thúc điều tra).

Đã xử lý trả lại số tiền 131.500.000 đồng cho Lê Văn V và vợ là bà Lê Thị Tám, đối với số tiền 37.000.000 đồng của Trần Văn T, 12.763.000 đồng của Nguyễn Thị Q và 2.900.000 đồng của Lê Văn V hiện đang tạm giữ chờ xử lý.

Tạm giữ và đã xử lý trả lại cho Lê Văn V, Nguyễn Thị Q: 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO; 01 (một) điện thoại di động hiệu Sam sung;

Đối với các vật chứng, gồm: 01 (một) xe mô tô mang biển số 74B1-005.85, nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ đen của Trần Văn T; 04 (bốn) điện thoại di động hiệu Nokia, đã qua sử dụng; 01 (một) xe mô tô mang biển số 74H3-3706 nhãn hiệu Yamaha Sirius của Trần Văn T; 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô mang tên Trần Văn T; 01 (một) thùng nhựa có chữ Toa, hình tròn, bên trong có một ít thuốc nổ; 01 (một) thùng nhựa, màu trắng, hình vuông, bên trong có một ít thuốc nổ; 01 (một) đầu búa bằng kim loại; 01 (một) đôi găng tay màu đen; 02 (hai) ốc vít; 01 (một) cờ lê 10 bỏ trong 01 túi nilon màu đỏ; 02 (hai) áo khoác nam giới, dài tay; 01 (một) biển kiểm soát mô tô có số 73B1-882.38; 02 (hai) bao lác; 01 (một) đăng ký xe mô tô số 003791 đứng tên Trần Văn T; 05 (năm) máy rà kim loại; hiện đang tạm giữ chờ xử lý.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2020/HS-ST ngày 21/4/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Văn T phạm tội “Vận chuyển, mua bán trái phép vật liệu nổ”;

Bị cáo Lê Văn V phạm tội: “Mua bán trái phép vật liệu nổ”;

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 305; các điểm s, t, u khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015, phạt bị cáo Trần Văn T 09 (chín) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/8/2019 đến ngày 18/11 /2019

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 305; các điểm s, t, u khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015, phạt bị cáo Lê Văn V 09 (chín) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/8/2019 đến ngày 06/12/2019.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên mức hình phạt đối với Nguyễn Thị Quý, Trần Văn T và quyết định xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 25 và ngày 27-4-2020, các bị cáo Lê Văn V và Trần Văn T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng có quan điểm các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, nhưng đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên mức hình phạt đối với các bị cáo là thỏa đáng, tuy nhiên bị cáo Lê Văn V có hoàn cảnh gia đình có khó khăn, bản thân lại mù chữ nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, nên đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn V, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa phúc thẩm, Lê Văn V và Trần Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp nhau và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác, được thu thập có tại hồ sơ vụ án; do đó, có đủ cơ sở kết luận: Ngày 07/8/2019, Trần Văn T phát hiện 01 quả bom bị nứt vỏ bên ngoài, nên lấy 81 kilôgam thuốc nổ trong thân bom đưa đi cất giấu. Đến ngày 09/8/2019, T liên lạc và bán cho Trần Văn T 81 kilôgam thuốc nổ với giá 240.000 đồng/01 kilôgam. Ngoài ra, Trần Văn T còn nhặt được 37 kilôgam thuốc nổ trong rừng, nên T liên lạc với Lê Văn V để bán tổng cộng 118 kilôgam thuốc nổ, với giá 280.000 đồng/01 kilôgam và vận chuyển đến giao cho V theo điểm hẹn. Sau đó, V liên lạc với Nguyễn Thị Q để bán 118 kilôgam thuốc nổ với giá 300.000 đồng/01 kilôgam, khi T đến giao thuốc nổ cho V thì Q đã có mặt tại điểm hẹn, nên nhận 118 kilôgam thuốc nổ. Khi Q đang vận chuyển thì bị bắt quả tang. Theo kết luận giám định của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an thì thành phần chính của số thuốc nổ nêu trên là Trinitrotoluen (TNT) và bột nhôm (Al) và còn sử dụng được. Với hành vi phạm tội như trên, Tòa án cấp sơ thẩm kết án Lê Văn V

về tội “Mua bán trái phép vật liệu nổ” và Trần Văn T về tội “Vận chuyển, mua bán trái phép vật liệu nổ” theo Điều 305 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2]. Hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, không những xâm phạm đến sự quản lý nghiêm ngặt của Nhà nước về vật liệu nổ mà còn gây nguy hiểm với những hậu quả không thể nào lường trước được trong đời sống xã hội. Mặt khác, khối lượng thuốc nổ các bị cáo vận chuyển, mua bán là rất lớn (trên 100 kilôgam) nên hành vi phạm tội của các bị cáo đã phạm vào tội “Vận chuyển, mua bán trái phép vật liệu nổ” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 305 Bộ luật Hình sự, có khung hình phạt từ 15 năm đến 20 năm, tù chung thân, vì vậy cần phải xử phạt bị cáo mức hình phạt thật nghiêm khắc mới đủ tác dụng cải tạo giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[3]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, thấy: Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo. Xét thấy các bị cáo đều có nhân thân tốt, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực hợp tác với cơ quan công an trong việc phát hiện tội phạm trong vụ án khác; lập công chuộc tội và quá trình sinh sống tại địa phương đóng góp nhiều công lao, nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, t, u khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật Hình sự tuyên phạt mỗi bị cáo 09 năm tù là tương xứng với tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo. Tuy nhiên, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, các bị cáo Lê Văn V, Trần Văn T tiếp tục giúp đỡ cơ quan điều tra tỉnh Quảng Bình điều tra các vụ án liên quan đến vật liệu nổ trên địa bàn tỉnh theo Báo cáo số 335/XN-ANDT ngày 03-7-2020 của Công an tỉnh Quảng Bình, thể hiện các bị cáo thực sự có ý thức phục thiện, hợp tác tích cực với các cơ quan có thẩm quyền để định hướng trật tự, trị an tiến bộ cho địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giảm một phần hình phạt cho các bị cáo để thể hiện tính nhân đạo của pháp luật, tạo điều kiện cho các bị cáo an tâm cải tạo, sớm trở về hòa nhập cộng đồng.

[4]. Do được chấp nhận kháng cáo, nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 355; Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự;

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn V và Trần Văn T, sửa bản án sơ thẩm.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 305; điểm s, t, u khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn V 08 năm tù về tội “Mua bán trái phép vật liệu nổ”; thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án, được trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/8/2019 đến ngày 06/12/2019.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 305; điểm s, t, u khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn T 08 năm tù về tội “Vận chuyển, mua bán trái phép vật liệu nổ”; thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án, được trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/8/2019 đến ngày 18/11/2019.

2. Các bị cáo Lê Văn V và Trần Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2020/HSST ngày 21/4/2020, của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Cơ quan CSĐT, Phòng HSNV-CA tỉnh Quảng Bình;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Bị cáo;
- Lưu: HSVA, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Minh Tuấn